

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHỰE**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 21



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ là Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ: Công ty Thủy Lợi Sông Nhuệ theo quyết định số 2125/QĐ-UBND Ngày 13 tháng 05 năm 2010 của UBND Thành phố Hà Nội và được sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500237857 ngày 18 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ tư (04) ngày 17 tháng 01 năm 2020.

Vốn điều lệ: **2.155.000.000.000 VND (Hai nghìn một trăm năm mươi lăm tỷ đồng chẵn./.)**

Trụ sở Công ty: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- *Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất Nông nghiệp và dân sinh kinh tế;*
- *Sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn;*
- *Tư vấn thiết kế, xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;*
- *Xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn;*
- *Gia công cơ khí, sửa chữa, thiết bị cơ điện, thiết bị thủy lợi;*
- *Dịch vụ du lịch, dịch vụ sinh thái.*

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Mạnh Hùng	Chủ tịch Công ty (Bổ nhiệm ngày 23/12/2019)
Ông Trần Thanh Toàn	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 23/12/2019)
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/12/2019)
Ông Nguyễn Huy Hưng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/12/2019)
Ông Ngô Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/12/2019)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ASEAN đã kiểm toán Báo cáo tài chính Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THUY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, Khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc, *btv*



Vũ Mạnh Hùng

Chủ tịch

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2021

Số: /2021/ASEAN/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **BAN GIÁM ĐỐC**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI
SÔNG NHUỆ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ, được lập ngày 09 tháng 07 năm 2021, từ trang 05 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 vì tại thời điểm đó chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính hiện hữu của khoản mục tiền, số lượng hàng tồn kho, tài sản cố định tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đặng Tấn Sơn

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1448-2018-176-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ASEAN

Hà Nội, ngày 09 tháng 07 năm 2021

Nguyễn Thị Thu Thủy

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2677-2018-176-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.783.365.872	92.229.803.006
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.224.161.313	11.432.311.706
1. Tiền	111		8.224.161.313	11.432.311.706
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.648.293.666	80.283.835.671
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10.715.360.240	71.743.780.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	175.313.146	164.853.836
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	921.805.480	8.539.386.177
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(164.185.200)	(164.185.200)
IV. Hàng tồn kho	140		66.852.356.643	455.101.379
1. Hàng tồn kho	141	V.6	66.852.356.643	455.101.379
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.554.250	58.554.250
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	34.272.585	34.272.585
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	24.281.665	24.281.665
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.763.006.133.335	1.762.974.837.091
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.753.481.723.296	1.753.450.427.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.753.481.723.296	1.753.450.427.052
<i>Nguyên giá</i>	222		1.865.625.458.896	1.864.935.977.252
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(112.143.735.600)	(111.485.550.200)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.524.410.039	9.524.410.039
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	9.524.410.039	9.524.410.039
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.849.789.499.207	1.855.204.640.097

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		82.049.007.502	78.572.303.342
I. Nợ ngắn hạn	310		82.049.007.502	78.572.303.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	31.893.276.535	38.167.233.490
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	(3.317.488)	58.573.831
4. Phải trả người lao động	314		19.897.550.800	22.366.033.902
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	2.785.168.867	2.785.168.867
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	17.748.055.385	8.258.294.249
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	9.519.461.200	4.935.276.800
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		208.812.203	2.001.722.203
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.767.740.491.705	1.776.632.336.755
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	1.767.740.491.705	1.776.632.336.755
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.581.414.939.334	1.580.725.457.690
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.431.182.170	1.431.182.170
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(9.581.326.694)	-
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		-	-
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(9.581.326.694)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		194.475.696.895	194.475.696.895
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.849.789.499.207	1.855.204.640.097

Người lập biểu



Nguyễn Hiền Giang

Kế toán trưởng



Lê Thị Hiền Hường

Lập ngày 09 tháng 07 năm 2021

Chủ tịch



Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

Mẫu B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Kỳ trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	61.545.436.000		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	61.545.436.000		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	64.932.079.215		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	(3.386.643.215)		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.611.703	10.227.657		
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	214.407.696	158.559.287		
Trong đó: chi phí lãi vay	23		214.407.696	158.559.287		
8. Chi phí bán hàng	25		-	-		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.304.722.494	9.818.918.403		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.510.518.487)	(13.353.893.248)		
11. Thu nhập khác	31		-	-		
12. Chi phí khác	32	VI.6	121.107	786.308		
13. Lợi nhuận khác	40		(121.107)	(786.308)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(7.510.639.594)	(13.354.679.556)		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(7.510.639.594)	(13.354.679.556)		

Người lập biểu

Nguyễn Hiền Giang

Kế toán trưởng

Lê Thị Hiền Hường

Lập ngày 09 tháng 07 năm 2021

Chủ tịch



Vũ Mạnh Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		61.028.420.618	102.919.740.905
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(28.636.703.032)	(27.191.454.317)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(36.042.870.076)	(36.069.620.410)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(214.407.696)	(158.559.287)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(26.539.907)	(26.357.175)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.198.151.134	1.901.896.547
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.106.997.537)	(22.981.094.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.800.946.496)	18.394.552.038
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.611.703	10.227.657
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.611.703	10.227.657
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		9.519.461.200	9.595.879.300
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.935.276.800)	(9.595.879.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.584.184.400	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.208.150.393)	18.404.779.695
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.432.311.706	8.619.778.667
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.224.161.313	27.024.558.362

Lập ngày 09 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch







Nguyễn Hiền Giang

Lê Thị Hiền Hương

Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn nhà nước
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, xây dựng và dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh:**
 - *Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất Nông nghiệp và dân sinh kinh tế;*
 - *Sản xuất, cung cấp nước sạch nông thôn;*
 - *Tư vấn thiết kế, xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;*
 - *Xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn;*
 - *Gia công cơ khí, sửa chữa, thiết bị cơ điện, thiết bị thủy lợi;*
 - *Dịch vụ du lịch, dịch vụ sinh thái.*

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Chúng tôi ghi sổ trên máy vi tính.



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu khách hàng: Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.

Phải thu khác: Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về thuế TNCN của nhân viên, phải thu chờ ngân sách cấp...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.
- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Các khoản phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn: Trích lập dự phòng trên cơ sở dự kiến mức tổn thất không thu hồi được.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Các khoản nợ phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm, Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán: Công ty xóa nợ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Số nợ này được theo dõi trong hệ thống quản trị và trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty thu lại được số nợ đã xử lý xóa sổ trước đó thì số thu được sẽ ghi nhận vào thu nhập khác trong kỳ.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	08 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Theo thông tư 147/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài Chính từ 01/01/2016 đến nay Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với toàn bộ tài sản cố định phục vụ sản xuất, chỉ thực hiện trích khấu hao đối với tài sản cố định phục vụ công tác quản lý.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm tài chính.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

8. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

9. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Theo Điều 2 Điều 8 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp thì thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ thủy lợi được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp.

11. Ghi nhận doanh thu và doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	639.213.315	293.591.317
Tiền gửi ngân hàng	7.584.947.998	11.138.720.389
Cộng	8.224.161.313	11.432.311.706

2. Phải thu khách hàng**Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ban Quản lý dịch vụ Thủy Lợi	7.086.803.900	64.752.378.468
Công ty KTCT Thủy lợi Duy Tiên	1.994.426.700	1.994.426.700
Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Kim Bảng	1.096.631.000	1.096.631.000
Công ty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Sông Đáy	305.821.360	3.057.821.360
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	231.677.280	842.523.330
Cộng	10.715.360.240	71.743.780.858

3. Trả trước cho người bán**Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công Ty TNHH Thương Mại & Xây Lắp Điện Việt Nhật	37.414.046	37.414.046
Trung tâm KH và triển khai kỹ thuật thủy lợi	31.495.000	31.495.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và TM Lạc Việt	16.101.000	16.101.000
Công ty CP Tư vấn & XDCT Thủy lợi Thủy điện	18.389.000	18.389.000
Các đối tượng khác	71.914.100	61.454.790
Cộng	175.313.146	164.853.836

4. Phải thu khác**Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu chờ ngân sách cấp		5.786.348.832
Thuế TNCN phải thu người lao động		30.475.057
Phải thu kinh phí tài sản cố định đã thanh lý	89.977.500	89.977.500
Phải thu lương của người lao động	313.369.984	313.369.984
Phải thu tiền điện	89.917.142	115.941.827
Tạm ứng	244.272.100	20.102.100
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu		1.692.726.000
Phải thu khác	184.268.754	490.444.877
Cộng	921.805.480	8.539.386.177

5. Nợ xấu

Trình bày tại phụ lục 1 kèm theo

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. Hàng tồn kho**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	121.897.132	5.454.012
Công cụ dụng cụ	577.779.967	449.647.367
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	66.152.679.544	-
Cộng	66.852.356.643	455.101.379

7. Chi phí trả trước**Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí chờ phân bổ	34.272.585	34.272.585
Cộng	34.272.585	34.272.585

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản được trình bày ở Phụ lục 2.

9. Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án "Trụ sở làm việc cơ sở 2 và căn hộ chung cư kết hợp dịch vụ thương mại tại Khu Xa La, Hà Đông, Hà Nội" (*)	9.480.310.680	9.480.310.680
Dự án "Đầu tư xây dựng Tòa nhà Sông Nhuệ I tại số 14 đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội" (**)	44.099.359	44.099.359
Cộng	9.524.410.039	9.524.410.039

(*): Giá trị còn lại của tài sản thanh lý góp vốn hợp tác kinh doanh. Theo Công văn 9800/UBND-KT ngày 15/12/2014 của UBND Hà Nội phê duyệt phương án Công ty góp vốn liên doanh thực hiện dự án bằng tài sản trên đất với Công ty Cổ phần thương mại Ngôi Nhà Mới.

(**): Giá trị còn lại của tài sản thanh lý góp vốn hợp tác kinh doanh. Theo Công văn: 2401/UBND-KT ngày 14/4/2015 của UBND Hà Nội phê duyệt phương án Công ty góp vốn liên doanh thực hiện dự án bằng tài sản trên đất với Công ty cổ phần thương mại Ngôi Nhà Mới.

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Xí nghiệp tư vấn- Công ty Thủy lợi Sông Nhuệ	429.037.000	429.037.000	1.668.180.800	1.668.180.800
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Lắp Và Khai Thác Cảng	1.276.962.000	1.276.962.000	3.276.962.000	3.276.962.000
Công ty Cổ phần thương mại Ngôi nhà mới	985.031.587	985.031.587	985.031.587	985.031.587
Công Ty Cổ Phần xây Dựng Thế Tiến	695.223.000	695.223.000	1.411.895.800	1.411.895.800
Công ty Cổ phần xây dựng và công nghệ Hoàng Nam	262.313.000	262.313.000	1.012.111.000	1.012.111.000
Công ty CPXD và dịch vụ TM Minh Hồng	172.133.000	172.133.000	922.353.900	922.353.900
Công ty điện lực Phú Xuyên	7.321.192.188	7.321.192.188	5.523.558.571	5.523.558.571
Công ty Điện lực Thanh Trì	1.061.384.501	1.061.384.501	995.440.736	995.440.736
Công ty Điện Lực Thường Tín	4.856.460.470	4.856.460.470	3.680.833.696	3.680.833.696
Công ty Điện lực ứng Hoà	8.566.080.871	8.566.080.871	6.530.089.913	6.530.089.913
Công ty TNHH Cơ điện Thủy lợi Hưng Yên	2.154.840.000	2.154.840.000	3.800.367.000	3.800.367.000
Công ty TNHH một thành viên Hồng Thủy	797.754.000	797.754.000	1.223.975.900	1.223.975.900
Công ty TNHH Xây Dựng Minh Cường	729.647.000	729.647.000	1.380.117.000	1.380.117.000
Các đối tượng khác	2.585.217.918	2.585.217.918	5.756.315.587	5.756.315.587
Cộng	31.893.276.535	31.893.276.535	38.167.233.490	38.167.233.490

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

a. Thuế phải nộp

	01/01/2021	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.876.355		4.876.355	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.222.419		26.539.907	(3.317.488)
Thuế thu nhập cá nhân	30.475.057		30.475.057	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	345.451.176	345.451.176	-
Các loại thuế khác	-	11.121.107	11.121.107	-
Cộng	58.573.831	356.572.283	418.463.602	(3.317.488)

b. Thuế phải thu

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thu sử dụng vốn Ngân sách	24.281.665	24.281.665
Cộng	24.281.665	24.281.665

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ thủy nông Không chịu thuế
- Hoạt động khác 10%

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả	30/06/2021	01/01/2021
<i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i>	VND	VND
Chi phí sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn	2.785.168.867	2.785.168.867
Cộng	2.785.168.867	2.785.168.867

13. Phải trả khác	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	930.594.300	997.095.400
Bảo hiểm xã hội	7.654.774.023	3.637.142
Bảo hiểm y tế	1.415.286.320	15.691.594
Bảo hiểm thất nghiệp	635.756.172	12.968.670
Thủy lợi phí cấp bù cho các HTX nông nghiệp phải trả	1.566.253.911	2.684.450.560
Khoản phải trả khi thu TLP Hà Nam (Chờ phê duyệt)	3.091.057.220	3.091.057.220
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	51.576.500	51.576.500
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.402.756.939	1.401.817.163
Cộng	17.748.055.385	8.258.294.249

14. Vay và nợ thuê tài chính	30/06/2021	01/01/2021
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng</i>	9.519.461.200	4.935.276.800
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long	9.519.461.200	4.935.276.800
Cộng	9.519.461.200	4.935.276.800

- Hạn mức cho vay: Bên vay nhận nợ trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 15.000.000.000 VND

- Thời hạn vay: Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng kể từ ngày nhận nợ.

- Lãi suất được thoả thuận cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của bên Vay

- Bảo đảm tiền vay: Quyền phải thu của hợp đồng kinh tế ký với Ban Quản lý Dịch vụ Thủy lợi Hà Nội

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	01/01/2021	Số tiền vay trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng</i>	4.935.276.800	9.519.461.200	4.935.276.800	9.519.461.200
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long	4.935.276.800	9.519.461.200	4.935.276.800	9.519.461.200
Cộng	4.935.276.800	9.519.461.200	4.935.276.800	9.519.461.200

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***15. Vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 3.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu	-	61.545.436.000
- Doanh thu dịch vụ thù lợi	-	61.545.436.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	-	61.545.436.000

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	64.932.079.215
Cộng	-	64.932.079.215

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.611.703	10.227.657
Cộng	8.611.703	10.227.657

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	214.407.696	158.559.287
Cộng	214.407.696	158.559.287

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.561.014.800	5.961.504.000
Chi phí vật liệu quản lý	73.587.270	76.046.820
Chi phí đồ dùng văn phòng	54.199.000	282.217.080
Chi phí khấu hao TSCĐ	658.185.400	611.227.400
Thuế, phí và lệ phí	392.462.159	426.922.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	771.884.993	854.784.007
Chi phí bằng tiền khác	1.793.388.872	1.606.216.160
Cộng	7.304.722.494	9.818.918.403

6. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền phạt và tiền chậm nộp thuế	121.107	786.308
Cộng	121.107	786.308

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mẫu B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	46.143.087.151	46.727.175.494
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	211.213.770	465.606.310
Chi phí khấu hao TSCĐ	658.185.400	611.227.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.174.754.686	21.914.384.318
Chi phí khác bằng tiền	5.270.161.031	5.032.604.096
Cộng	73.457.402.038	74.750.997.618

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

2. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ban Giám đốc		
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	732.000.000	732.000.000

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021, không có bất kỳ yếu tố nào đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 chưa được kiểm toán.

Người lập biểu



Nguyễn Hiền Giang

Kế toán trưởng



Lê Thị Hiền Hường

Lập ngày 09 tháng 07 năm 2021

Chủ tịch



Vũ Mạnh Hùng

CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ

Địa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,

Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Phụ lục 1: Nợ xấu***Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi*

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các khoản phải thu, cho vay ngắn hạn</i>						
HTX Nông nghiệp Hòa Phú Ứng Hòa (Nợ đọng thủy lợi phí)	164.185.200	164.185.200	-	164.185.200	164.185.200	-
Cộng	164.185.200	164.185.200	-	164.185.200	164.185.200	-



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Phụ lục 2: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	1.386.772.286.439	450.311.097.661	26.184.988.852	1.667.604.300	1.864.935.977.252
Tăng do được cấp		615.140.167	74.341.477		689.481.644
Tăng do đầu tư xây dựng hoàn thành					0
Tăng khác					0
Giảm do thanh lý					0
Giảm khác					
Số cuối kỳ	1.386.772.286.439	450.926.237.828	26.259.330.329	1.667.604.300	1.865.625.458.896
Hao mòn lũy kế					
Số đầu kỳ	50.996.845.981	52.147.872.574	8.011.913.945	328.917.700	111.485.550.200
Khấu hao trong kỳ	531.001.600		53.005.000	74.178.800	658.185.400
Tăng khác					
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Số cuối kỳ	51.527.847.581	52.147.872.574	8.064.918.945	403.096.500	112.143.735.600
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	1.335.775.440.458	398.163.225.087	18.173.074.907	1.338.686.600	1.753.450.427.052
Số cuối kỳ	1.335.244.438.858	398.778.365.254	18.194.411.384	1.264.507.800	1.753.481.723.296



CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆĐịa chỉ: Tầng 4, tầng 5 Tòa nhà New House, KĐT Xa La,
Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Phụ lục 3: Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản</i>	<i>Cộng</i>
Số dư đầu kỳ	1.580.725.457.690	1.431.182.170	-	-	1.776.632.336.755
Tăng vốn trong kỳ	689.481.644				689.481.644
Tăng khác			29.312.900		29.312.900
Lợi nhuận trong kỳ			(7.510.639.594)		(7.510.639.594)
Phân phối quỹ			(2.100.000.000)		(2.100.000.000)
Giảm do thanh lý tài sản					
Số dư cuối kỳ	1.581.414.939.334	1.431.182.170	(9.581.326.694)		1.767.740.491.705

b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau

	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu kỳ VND</i>
Vốn đầu tư của Nhà Nước	1.581.414.939.334	1.580.725.457.690
Cộng	1.581.414.939.334	1.580.725.457.690